



BẢN TIN

người đại diện

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

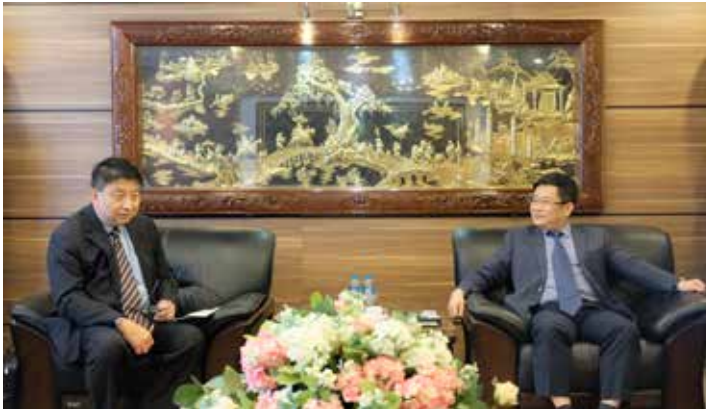
SỐ 16-2022

www.scic.vn



PHÁT HÀNH HÀNG THÁNG DÀNH CHO NGƯỜI ĐẠI DIỆN VỐN CỦA SCIC TẠI DOANH NGHIỆP

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC SCIC ĐÌNH VIỆT TÙNG TIẾP VÀ LÀM VIỆC VỚI ĐOÀN CÔNG TÁC CỦA CÔNG TY BẢO HIỂM SOMPO NHẬT BẢN



Ông Đình Việt Tùng, Phó Tổng giám đốc SCIC
(bên trái) và ông Vincent Ng., Giám đốc điều hành
Sompo Holdings (Asia) Pte Ltd

SÁNG NGÀY 1/6/2022, TẠI TRỤ SỞ TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC (SCIC), PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC ĐÌNH VIỆT TÙNG CÙNG ĐẠI DIỆN CÁC ĐƠN VỊ CỦA SCIC ĐÃ TIẾP VÀ LÀM VIỆC VỚI ĐOÀN CÔNG TÁC CỦA CÔNG TY BẢO HIỂM SOMPO NHẬT BẢN DO ÔNG VINCENT NG., GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, SOMPO HOLDINGS (ASIA) PTE LTD LÀM TRƯỞNG ĐOÀN. CÙNG ĐI VỚI ÔNG VINCENT NG. CÒN CÓ ÔNG JENG YEN LAM, PHÓ CHỦ TỊCH, SOMPO HOLDINGS (ASIA) PTE LTD, ÔNG SHINTARO YAGI, PHÓ GIÁM ĐỐC CẤP CAO, SOMPO HOLDINGS (ASIA) PTE LTD VÀ ÔNG MACNGUYEN, GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, REDSUN CAPITAL.

Tại buổi làm việc, hai bên đã trao đổi tích cực, cởi mở về các vấn đề cùng quan tâm. Ông Vincent Ng. cập nhật cho Phó Tổng giám đốc Đình Việt Tùng về định hướng phát triển của Tập đoàn Sompo ở quy mô toàn cầu trong thời gian tới, trong đó có chiến lược phát triển tại thị trường châu Á nói chung và Việt Nam nói riêng.

Đồng thời, đại diện của Sompo đã chia sẻ thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty bảo hiểm Liên hiệp (UIC) tại thị trường Việt Nam trong thời gian qua, về tình hình hợp tác giữa Công ty bảo hiểm Sompo và Tổng công ty cổ phần Bảo Minh (công ty có vốn của SCIC) với tư cách là đồng cổ đông tại UIC. Ông Vincent Ng. cũng bày tỏ mong muốn SCIC và Tổng công ty cổ phần Bảo Minh phối hợp với Sompo trong việc chia sẻ thông tin về kế hoạch kinh doanh trong thời gian tới nhằm đảm bảo lợi ích hài hòa giữa các cổ đông, phục vụ sự phát triển chung của UIC tại thị trường Việt Nam.

Đáp lại các quan tâm, chia sẻ của đại diện Sompo, Phó Tổng giám đốc Đình Việt Tùng cảm ơn đối tác đã cập nhật các thông tin về chiến lược phát triển kinh doanh mang tầm khu vực và ghi nhận các ý kiến, đề xuất của Sompo về sự phối hợp trong kế hoạch kinh doanh giữa các cổ đông tại UIC Việt Nam hướng đến các giải pháp phù hợp vì lợi ích chung của các bên.

Diệu Linh

PHÁT TRIỂN QUAN HỆ HỮU NGHỊ VIỆT NAM - OMAN LÊN TẦM CAO MỚI

NHÂN KỶ NIỆM 30 NĂM QUAN HỆ NGOẠI GIAO
VIỆT NAM-OMAN (9/6/1992 - 9/6/2022), NGÀI
SALEH MOHAMED AHMED AL SAGRI ĐẠI SỨ
OMAN TẠI VIỆT NAM ĐÃ CHIA SẺ VỀ NHỮNG
THÀNH TỰU CŨNG NHƯ TRIỂN VỌNG PHÁT
TRIỂN QUAN HỆ HAI NƯỚC NGÀY Càng SÂU
SẮC VÀ TOÀN DIỆN HƠN.





Đại sứ Oman chứng kiến ký kết hỗ trợ phát triển thị trường vốn và đầu tư chiến lược của Liên doanh Đầu tư Việt-Nam-Oman (VOI)

PV: Thưa Đại sứ, xin Ngài cho biết những tiềm năng, lợi thế và kết quả hợp tác của hai nước sau 30 năm quan hệ ngoại giao Việt Nam - Oman?

Đại sứ Oman: Trong suốt 30 năm kể từ khi thiết lập quan hệ ngoại giao, hai nước đã không ngừng nỗ lực củng cố, phát triển quan hệ song phương trên tất cả các lĩnh vực, cấp độ. Điển hình là sự ủng hộ lẫn nhau trên các diễn đàn quốc tế; trao đổi các chuyến thăm chính thức cấp cao, gặp gỡ xúc tiến thương mại của doanh nghiệp hai nước.

Hai nước đã ký khoảng 10 Hiệp định/Thỏa thuận và 03 Biên bản ghi nhớ trong nhiều lĩnh vực khác nhau như chính trị, kinh tế, đầu tư, thương mại...

Một trong những thỏa thuận quan trọng là thành lập Ủy ban hỗn hợp hợp tác kinh tế Việt Nam - Oman; Hiệp định thành lập hội đồng doanh nhân chung; Thỏa thuận thành lập nhóm tham vấn chính trị. Hai bên cũng tổ chức nhiều cuộc họp quan trọng...

Trong đó, kỳ họp thứ 3 gần đây nhất của Ủy ban Hỗn hợp Hợp tác kinh tế được tổ chức tại Hà Nội vào tháng 3 năm 2018, do Bộ trưởng Bộ Công thương hai nước làm chủ trì; kỳ họp Tham vấn chính trị lần thứ Ba được tổ chức vào tháng 10 năm 2019 tại Muscat do hai Thứ trưởng hai nước chủ trì. Hai cuộc

họp này nhằm hỗ trợ phát triển quan hệ hai nước, hướng tới tăng cường các chuyến thăm chính thức cấp nhà nước thống nhất hợp tác trong lĩnh vực kinh tế và đầu tư, an ninh lương thực và dịch vụ; hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản, dầu khí...

Việt Nam là nước xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới trong khi Oman có thế mạnh trong xuất khẩu khí hóa lỏng và có trữ lượng dầu mỏ cao; phát triển năng lượng tái tạo và cảng biển. Oman có rất nhiều cảng biển công suất lớn nhưng hai nước chưa có đường biển trực tiếp...

PV: Các dữ liệu tiềm lực trên có phải là động lực quan trọng để thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Oman trong giai đoạn hiện nay, thưa Đại sứ?

Đại sứ Oman: Có thể thấy các Thỏa thuận, Biên bản ghi nhớ, các cuộc họp chung, chuyến thăm lẫn nhau đều nằm trong khuôn khổ củng cố, tăng cường quan hệ hữu nghị giữa hai nước. Đó là quá trình liên tục, năng động giữa hai bên. Chúng tôi hy vọng rằng, mối quan hệ sẽ tiếp tục phát triển, và chúng kiến thêm nhiều chuyến viếng thăm bằng đường thủy và đường bộ trực tiếp trong thời gian tới.

Kim ngạch thương mại song phương có thể tăng trưởng đáng kể nếu các hãng tàu và đường bay trực tiếp được mở giữa hai nước. Chúng tôi đang nỗ lực để hoàn thành mục tiêu này trong tương lai gần.

PV: Quý đầu tư chủ quyền Việt Nam- Oman (VOI) được xem là mô hình tiêu biểu cho hoạt động đầu tư song phương, Đại sứ đánh giá như thế nào về vai trò quỹ VOI?

Đại sứ Oman: Liên doanh Đầu tư Việt Nam-Oman (VOI) được xem như cầu nối quan trọng giữa hai quốc gia. Là công ty liên doanh giữa OIA (trước đây là Quỹ Dự trữ Quốc gia Vương quốc Oman -SGRF) tại Việt Nam với Tập đoàn Đầu tư Vốn Nhà nước Việt Nam (SCIC), VOI được thành lập và hoạt động trên cơ sở thỏa thuận và hỗ trợ của Chính phủ hai nước từ

năm 2008. Từ vốn cam kết ban đầu là 100 triệu USD năm 2009, thông qua VOI chúng tôi đã giải ngân hơn 300 triệu USD đến nay.

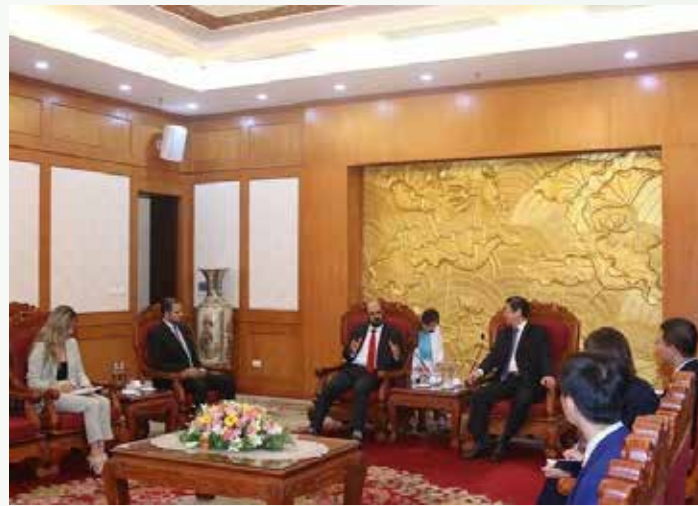
Quan hệ hai nước cũng chứng kiến mức tăng trưởng trong thương mại đạt 120% kể từ khi hai bên thiết lập quan hệ. Trao đổi thương mại đạt khoảng 200 triệu USD.

Quỹ VOI đã không ngừng đầu tư vào nhiều lĩnh vực khác nhau tại các khu vực miền Bắc, miền Trung và miền Nam; trong đó tập trung vào các lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe, dịch vụ, năng lượng tái tạo, nước sạch, nông nghiệp công nghệ cao, và nhiều lĩnh vực hỗ trợ phát triển bền vững tại Việt Nam.

Đặc biệt Quỹ VOI hết sức quan tâm yếu tố phát triển con người ở Việt Nam và đã mở rộng đầu tư vào giáo dục - trao học bổng cho sinh viên ĐH Văn Lang và tham gia đồng hành tài trợ Giải cờ vua quốc tế; thực hiện nhiều dự án an sinh xã hội: xây dựng trường học tại miền Trung; thông qua liên doanh VOI-Aikya hỗ trợ khẩu trang, vật tư y tế đồng hành cùng Chính phủ và người dân Việt Nam phòng, chống đại dịch Covid-19.

PV: *Thưa đại sứ, Oman là cầu nối giữa Việt Nam với khu vực Trung Đông và Châu Phi. Ông có cho rằng khả năng Oman mở các tuyến đường biển trực tiếp từ Oman vào Việt Nam là cần thiết và lợi ích? Chúng ta cần sự hỗ trợ gì từ Chính phủ hai nước để hiện thực?*

Đại sứ Oman: Không thể phủ định vị trí của hai quốc gia, Vương quốc Oman và Việt Nam đều nằm ở các vị trí chiến lược. Vương quốc Oman liên kết Trung Đông và Đông Phi, còn Việt Nam có vị trí đặc địa ở Châu Á. Cả hai nước đều có đường biên giới trên biển dài hơn ba nghìn km. Vương quốc Oman có các cảng (Duqm, Salalah và Sohar) với tiêu chuẩn quốc tế; Việt Nam có nhiều cảng biển, trong đó quan trọng nhất là ở phía Bắc có cảng Hải Phòng, miền Trung có cảng ở Đà Nẵng, Quy Nhơn, ở phía Nam có cảng Sài Gòn.



Đại sứ Oman trao đổi, đánh giá cao vị trí địa kinh tế và địa chính trị của Việt Nam và Oman trên trường quốc tế.

Nhờ có vị trí địa kinh tế và địa chính trị rất quan trọng này, hai nước có thể tìm được những cơ chế thích hợp để kết nối hai nước bằng đường biển và đường hàng không. Đây là điểm thuận lợi để phục vụ lợi ích hợp tác trong tương lai, đặc biệt là liên kết liên lạc hai nước.

PV: *Ông đánh giá như thế nào về triển vọng, cơ hội nâng tầm quan hệ giữa Việt Nam và Oman sau 30 năm quan hệ hai nước phát triển tốt đẹp?*

Đại sứ Oman: Quan hệ hợp tác hai bên là quá trình liên tục, năng động, cần tới cơ chế để thúc đẩy, theo dõi và kiên trì theo đuổi từ hai nước; thông qua đó củng cố và phát triển trong các lĩnh vực hợp tác khác nhau, đặc biệt là lĩnh vực kinh tế, thương mại và các lĩnh vực quan trọng khác giúp gắn kết hai quốc gia.

Chúng tôi tin tưởng rằng những nỗ lực tốt đẹp của Lãnh đạo hai nước, Quốc Vương Oman Haitham bin Tariq Al Said và Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc sẽ tiếp tục nâng tầm quan hệ hợp tác giữa Oman và Việt Nam trên các lĩnh vực sâu rộng, phù hợp với lợi ích chung, thúc đẩy tinh hữu nghị giữa nhân dân hai nước./.

Nguồn: Phát triển quan hệ hữu nghị Việt Nam - Oman lên tầm cao mới (dangcongsan.vn)



ĐỔI MỚI CƠ CHẾ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG 5 (KHÓA XII) VỀ ĐỔI MỚI VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC (DNNN) ĐÃ KHẲNG ĐỊNH: CÙNG VỚI NHIỀU VAI TRÒ KHÁC, DNNN LÀ CÔNG CỤ QUAN TRỌNG ĐỂ BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HIỆU QUẢ CÁC CHÍNH SÁCH ỔN ĐỊNH VĨ MÔ, KIỂM CHẾ LẠM PHÁT, ĐỐI PHÓ VỚI NHỮNG BIẾN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG; TẠO NGUỒN THU LỚN CHO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (NSNN). QUÁ TRÌNH CƠ CẤU LẠI DNNN THỜI GIAN QUA VẪN ĐẶT RA YÊU CẦU CẦN SỰ NHẬN THỨC VÀ HÀNH ĐỘNG RÕ NÉT VỀ CÁC GIẢI PHÁP TIẾN HÀNH CƠ CẤU LẠI DNNN, TRONG ĐÓ CÓ CƠ CẤU LẠI CƠ CHẾ TÀI CHÍNH ĐỂ DNNN ĐỔI MỚI, PHÁT TRIỂN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ.

à lực lượng vật chất quan trọng của kinh tế nhà nước, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, trong thực tiễn tại Việt Nam, DNNN tập trung vào những lĩnh vực then chốt, thiết yếu; những địa bàn quan trọng và quốc phòng, an ninh; những lĩnh vực mà doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác không đầu tư, hoạt động theo cơ chế thị trường, lấy hiệu quả kinh tế làm tiêu chí đánh giá chủ yếu, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, cạnh tranh bình đẳng.

DNNN đóng vai trò dẫn dắt phát triển các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế khác, bảo đảm doanh nghiệp Việt Nam thật sự trở thành lực lượng nòng cốt trong phát triển kinh tế-xã hội, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

Nhận diện nút thắt “cổ chai”

Đánh giá về quy mô và đóng góp của DNNN, Bộ Tài chính cho biết, DNNN không phải là hình thức doanh nghiệp có quy mô tài sản lớn nhất (doanh nghiệp dân doanh là khu vực

năm giữ tổng tài sản lớn nhất). Thống kê cho thấy, năm 2018, doanh nghiệp dân doanh có quy mô tổng tài sản cao gấp 9 lần tổng tài sản của DNNN, gấp 34 tổng tài sản của các công ty cổ phần có vốn góp của nhà nước; gấp 5 lần tổng tài sản của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Năm 2019, số so sánh này gấp 10 lần tổng tài sản của DNNN, gấp 38 tổng tài sản của các công ty cổ phần có vốn góp của nhà nước.

Không chỉ ở quy mô, mà vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp dân doanh rất lớn: Năm 2018, 2019 gấp 6 lần tổng vốn chủ sở hữu của DNNN, gấp 29 lần tổng số vốn chủ sở hữu của các công ty cổ phần có vốn góp của nhà nước; gấp 3 lần tổng tài sản của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Đây là khối có đóng góp lớn nhất cho NSNN.

Tiếp đến mới là các DNNN, trọng tâm là các tập đoàn, tổng công ty nhà nước vốn đóng vai trò quan trọng trong việc điều tiết nền kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh và thực hiện nhiều nhiệm vụ kinh tế, chính trị, quốc tế khác. Trong khi đó, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vốn có ưu thế về khoa học kỹ thuật, áp dụng quản lý tiên tiến, được ưu đãi nhiều về cơ chế, chính sách (về thuế, đất đai, lao động...), hoạt động hiệu quả, lợi nhuận cao, tuy nhiên lại chỉ đóng góp vào NSNN chỉ bằng 70% so với DNNN.

Đánh giá về tình hình tài chính và hoạt động sản xuất, kinh doanh của các DNNN giai đoạn 2016-2020 của Bộ Tài chính cho thấy, tổng tài sản của các DNNN năm 2019 là 2.992.834 tỷ đồng (chủ yếu là các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, chiếm 92%); năm 2020, tổng tài sản là 3.573.698 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu của DNNN năm 2019 là 1.425.050 tỷ đồng; năm 2020 là 1.680.303 tỷ đồng. Tuy nhiên, số nợ phải trả năm 2019 là 1.541.996 tỷ đồng, năm 2020 là 1.751.563 tỷ đồng, chiếm xấp xỉ 50% tổng tài sản. Trong khi đó, tổng doanh thu năm 2019 đạt 1.656.124 tỷ đồng,



vốn chủ sở hữu hợp nhất của 19 tập đoàn, tổng công ty năm 2018 là 1.042.470 tỷ đồng, năm 2019 là 1.086.143 tỷ đồng, năm 2020 là 1.081.078 tỷ đồng.

Do chủ yếu lợi nhuận đã nộp vào NSNN, nên quy mô vốn của DNNN tăng không đáng kể. Tại hầu hết các DNNN đầu tàu, số đã góp vào NSNN đều vượt quá lợi nhuận thu được, như tại Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), năm 2018 tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất chỉ đạt 50.600 tỷ đồng nhưng tổng nộp NSNN đạt 79.579 tỷ đồng; năm 2019

năm 2020 đạt 1.907.645 tỷ đồng. Lãi phát sinh trước thuế năm 2019 là 162.750 tỷ đồng, chỉ giảm 2% so năm 2018, năm 2020 đạt 157.394 tỷ đồng, giảm 23% so năm 2019.

Đáng chú ý, số nộp NSNN của các DNNN đạt mức cao: Năm 2019 đạt 283.000 tỷ đồng, tăng 7% so với thực hiện năm 2018, nhưng năm 2020 là 300.722 tỷ đồng, giảm 14% so với năm 2019. Bộ Tài chính cũng cho biết, tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu năm 2018 là 12,11%, năm 2019 là 11,42%, năm 2020 giảm còn 9%. Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản năm 2019 là 5,44%, năm 2020 là 4%.

Nhìn vào tình hình tài chính của các DNNN, có thể thấy, do yêu cầu đặc biệt đối với DNNN nên hầu hết lợi nhuận làm ra đều phần lớn nộp vào NSNN, thực hiện vai trò là doanh nghiệp của Nhà nước, phục vụ sự lãnh đạo của Nhà nước. Năm 2018, tổng lợi nhuận trước thuế đạt 110.650 tỷ đồng, nộp NSNN đạt 210.430 tỷ đồng. Năm 2019, tổng lợi nhuận trước thuế đạt 110.068 tỷ đồng, tổng nộp NSNN đạt 229.422 tỷ đồng. Năm 2020, tổng lợi nhuận trước thuế đạt 54.600 tỷ đồng, tổng nộp NSNN của 19 tập đoàn, tổng công ty đạt 181.371 tỷ đồng. Tổng

là 86.487/46.942 tỷ đồng, năm 2020 là 55.559/19.860 tỷ đồng. Tại Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), năm 2018 là 9.076/25.903 tỷ đồng; năm 2019 là 26.248/12.500 tỷ đồng, năm 2020 là 22.528/15.316 tỷ đồng.

Tại Tập đoàn Công nghiệp Than-khoáng sản Việt Nam (TKV), năm 2018, tổng nộp NSNN/ tổng lợi nhuận trước thuế là 17.828/4.998 tỷ đồng, năm 2019 là 21.114/5.192 tỷ đồng, năm 2020 là 18.487/3.094 tỷ đồng. Tại Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex), các số tương ứng là 39.116/5.178 tỷ đồng (năm 2018), 45.011/5.648 tỷ đồng (năm 2019) và 38.620/1.410 tỷ đồng (năm 2020). Hay như tại Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)-DNNN duy nhất hoạt động trong lĩnh vực vốn cũng có số nộp NSNN cao hơn lợi nhuận thu được trước thuế, như 7.023/10.566 tỷ đồng (năm 2018), 5.383/4.351 tỷ đồng (năm 2019), 7.770/6.624 tỷ đồng (năm 2020).

Để thực hiện được tốt chức năng điều tiết kinh tế, rõ ràng, quy mô của DNNN phải đủ lớn, đặc biệt là quy mô vốn. Đây là yêu cầu bức thiết của các DNNN hiện nay, bởi thực tế thời gian qua cho thấy, do những hạn chế về ngân sách, nhiều DNNN chỉ có thể tăng trưởng dựa trên phần lợi nhuận được giữ lại.

Trong khi đó, các doanh nghiệp tư nhân có thể tăng quy mô rất nhanh nhờ huy động vốn bằng nhiều phương thức, và trong tương lai khu vực tư nhân sẽ ngày càng lớn mạnh, dẫn đến vai trò của DNNN trong việc điều tiết nền kinh tế sẽ giảm dần. Muốn giữ được vai trò điều tiết của DNNN, nhất thiết phải tăng quy mô hoạt động cho DNNN, đặc biệt là quy mô vốn, bởi để thực hiện vai trò dẫn dắt nền kinh tế, DNNN phải luôn luôn đổi mới, dẫn đầu về công nghệ cũng như hiệu quả kinh doanh.

Tăng quy mô vốn-nền tảng để tái cơ cấu thành công

Bàn về những “nút thắt” về cơ chế tài chính cho DNNN, các chuyên gia cho rằng, trong một nền kinh tế thị trường cạnh tranh cao và năng động như hiện nay, việc đổi mới công nghệ, nâng cao hiệu quả tại doanh nghiệp chỉ có thể đạt được khi có những khuyến khích thích đáng cho ban điều hành. Tuy nhiên, theo TS Nguyễn Đức Độ (Học viện Tài chính), do sự cứng nhắc về cơ chế quản lý cũng như những áp lực xã hội, DNNN không thể đưa ra những khuyến khích về tiền lương, tỷ lệ phân chia lợi nhuận... mạnh mẽ như các doanh nghiệp tư nhân. Chính vì vậy, ngay từ trong nhận thức, cần phải hết sức thấu đáo khi bàn và thực hiện đổi mới cơ chế tài chính cho DNNN.

Đó không chỉ là việc giải quyết cơ chế xử lý nợ xấu của các dự án, công trình đầu tư của DNNN kém hiệu quả, thua lỗ kéo dài, hay là sự đáp ứng các chuẩn mực quốc tế về quản trị doanh nghiệp... mà còn là sự hoàn thiện mô hình quản lý, giám sát DNNN và vốn, tài sản của Nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.

Trong mô hình đó, cần chỉ rõ vị trí, vai trò của DNNN nào có đủ quy mô vốn và năng lực quản lý, có khả năng chống đỡ cho các DNNN khác hoạt động thông suốt, hiệu quả, có sức cạnh tranh khu vực và quốc tế. Đó phải là một cơ chế tài chính linh hoạt, chặt chẽ để

cho phép DNNN sử dụng hiệu quả nguồn lực nhà nước (bao gồm cả tiền vốn và tài sản nhà nước) để mở rộng quy mô vốn cũng như quy mô hoạt động của doanh nghiệp.

Các chuyên gia cũng đồng thuận cho rằng, việc cần làm ngay trước mắt là phải hoàn thiện và nâng cao hiệu quả các thiết chế hiện có để hỗ trợ cơ cấu lại DNNN, như phải nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC), Công ty Mua bán nợ Việt Nam (DATC), Công ty quản lý tài sản (VAMC) theo cơ chế thị trường và quy định của pháp luật. Đặc biệt, đối với các định chế đặc biệt có nhiệm vụ quan trọng trong quản lý và kinh doanh vốn nhà nước như SCIC, DATC càng cần được tăng cường nguồn lực tài chính để phát huy vai trò là nhà đầu tư chính phủ, phát huy nguồn lực nhà nước.

Đối với các DNNN này, cần nhanh chóng hoàn tất thủ tục ghi nhận vốn điều lệ theo quy định đã ban hành; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách trong hoạt động đầu tư để tạo thêm sức mạnh vốn có của DNNN cầm tiền vốn đầu tư của Nhà nước, từ đó mới đủ tiềm lực để trợ giúp các DNNN khác về dòng vốn sản xuất, kinh doanh.

Bên cạnh đó, cần minh bạch, rõ ràng mối quan hệ kinh tế, tài chính giữa Nhà nước và DNNN, nhất là các quyền và nghĩa vụ phải được thực hiện đầy đủ, minh bạch theo quy định của pháp luật, phù hợp cơ chế thị trường. Cần tháo gỡ cơ chế tài chính cho DNNN thông qua cơ chế sử dụng công cụ, tài sản nhà nước, nhất là công cụ, tài sản đất đai, kết cấu hạ tầng, làm rõ đâu là tư liệu sản xuất, đâu là hàng hóa, đưa đất đai, kết cấu hạ tầng thật sự là nguồn lực quan trọng cho quy mô vốn nhà nước của DNNN, đồng thời cũng chống được tham nhũng, chiếm đoạt đất đai, tài sản nhà nước thông qua cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Nguồn: Đổi mới cơ chế tài chính doanh nghiệp nhà nước - Báo Nhân Dân (nhandan.vn)

VINARE TRẢ GẦN 196 TỶ ĐỒNG CỔ TỨC, SCIC NHẬN VỀ 79 TỶ ĐỒNG

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM (VINARE, HNX: VNR) SẼ TRẢ CỔ TỨC BẰNG TIỀN MẶT NĂM 2021 VÀO NGÀY 28/7 TỚI ĐÂY.

Theo đó, VINARE dự kiến trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2021 với tỷ lệ 13%, cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu được nhận 1.300 đồng. Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức là 29/6. VINARE sẽ thanh toán cổ tức vào ngày 28/7 sau đó.

VINARE hiện có 5 cổ đông lớn. Trong đó Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) và Swiss Re nắm giữ nhiều cổ phần nhất với tỷ lệ sở hữu lần lượt là 40,36%

và 25%, tương đương số tiền cổ tức dự thu là 79 tỷ đồng và gần 49 tỷ đồng.

Ba cổ đông lớn còn lại là quỹ đầu tư giá trị Bảo Việt (tỷ lệ sở hữu 8%), Tập đoàn Bảo Việt (9,18%) và Tổng công ty Cổ phần Bảo Minh (BMI – 6,43%). Trong đó nhóm Bảo Việt sẽ nhận về 33,7 tỷ đồng, BMI nhận về 12,6 tỷ đồng.

Về tình hình kinh doanh, doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của VINARE trong quý I đạt gần 391 tỷ đồng, đi ngang so



với cùng kỳ năm 2021. Tổng chi phí từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm giảm 4%, do đó lợi nhuận gộp tăng 27% lên hơn 68,7 tỷ đồng.

Hoạt động tài chính của VINARE kém sắc hơn so với cùng kỳ, doanh thu và lợi nhuận đều giảm lần lượt 53% và 54%, tương ứng đạt hơn 51 tỷ đồng và hơn 43 tỷ đồng.

Chốt quý I, VINARE báo lãi trước thuế hơn 101 tỷ đồng, giảm 27% so với cùng kỳ năm 2021.

Năm 2022, VINARE lên kế hoạch doanh thu phí nhận tái bảo hiểm đạt 2.211 tỷ đồng, đi ngang so với mức thực hiện năm 2021. Lợi nhuận trước thuế kỳ vọng đạt 435 tỷ đồng, tăng trưởng 6%. Như vậy công ty đã hoàn thành 23% kế hoạch lợi nhuận cả năm sau 3 tháng.

Vinatex trả nốt 100 tỷ đồng cổ tức còn lại năm 2021, SCIC nhận về 53 tỷ đồng.

Tập đoàn Dệt may Việt Nam (Vinatex, UPCoM: VGT) vừa công bố về việc chi trả cổ tức còn lại năm 2021.

Theo đó, Vinatex sẽ thanh toán phần cổ tức còn lại với tỷ lệ 2%, cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu được nhận 200 đồng. Với 500 triệu cổ phiếu đang lưu hành, Vinatex dự chi 100 tỷ đồng cho phần cổ tức còn lại này.

Ngày chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức là 30/6, ngày thanh toán cổ tức là 12/8.

Cổ đông lớn nhất của Vinatex là Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) với số lượng cổ phiếu nắm giữ là hơn 267 triệu đơn vị sẽ nhận về hơn 53 tỷ đồng. Hai cổ đông khác là Itochu Corporation và Tập đoàn Vingroup sẽ lần lượt nhận về 13 tỷ đồng và 5 tỷ đồng.

Kết thúc quý I/2022, doanh thu thuần của Vinatex tăng 45% so với cùng kỳ, đạt gần 4.900 tỷ đồng. Đáng chú ý, doanh thu hoạt động tài chính tăng vọt từ 37 tỷ đồng cùng kỳ lên hơn 83 tỷ đồng, chủ yếu nhờ lãi tiền gửi, tiền cho vay, cổ tức được chia và lãi chênh lệch tỷ giá.

Khấu trừ đi các khoản chi phí và thuế, tập đoàn thu về gần 200 tỷ đồng lãi ròng, gấp đôi cùng kỳ.

Vinatex cho biết nhờ tận dụng được các lợi thế của thị trường từ cuối năm 2021, hầu hết các đơn vị sợi của tập đoàn đã có được các đơn hàng với giá bán tốt, cộng thêm việc dự báo được sự tăng cao của giá bông, các đơn vị đã đưa ra những quyết sách phù hợp, dự trữ được lượng bông lớn với giá thành rẻ, nhờ đó thu được kết quả rất tích cực.

Ngoài ra, đầu năm 2022, các đơn vị may trong tập đoàn cũng mang lại những kết quả rất tích cực do dịch bệnh đã được kiểm soát, các đơn vị may đã ổn định lao động, ổn định sản xuất với đơn hàng gia tăng.

VINAMILK

SẮP CHI HƠN 5.000 TỶ ĐỒNG TRẢ CỔ TỨC

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM (VINAMILK – VNM) SẼ TRẢ CỔ TỨC CÒN LẠI CỦA NĂM 2021 VÀ TẠM ỨNG CỔ TỨC 2022 VỚI TỔNG TỶ LỆ 24,5%, THANH TOÁN VÀO NGÀY 19/8. CÔNG TY SẼ TRIỂN KHAI THANH TOÁN CỔ TỨC CÒN LẠI CỦA NĂM 2021 TỶ LỆ 9,5% VÀ TẠM ỨNG CỔ TỨC ĐỢT 1 CỦA NĂM 2022 TỶ LỆ 15%.

906 tỷ đồng. Platinum Victory Pte có 10,62% cổ phần được nhận 544 tỷ đồng.

Trước đó trong cuộc họp cổ đông thường niên, Vinamilk đã thống nhất về kế hoạch trả cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt với tỷ lệ là 38,5%. Như vậy doanh nghiệp sẽ còn chia thêm cổ tức cho năm 2022 trong thời gian tới.

Trong năm 2022, Vinamilk đặt kế hoạch tổng doanh thu trên 64.000 tỷ đồng, tăng 5% so với mức kỷ lục năm ngoái. Tuy nhiên chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế lại giảm 8% về mức 9.770 tỷ đồng.

Theo báo cáo quý đầu năm, công ty ghi nhận doanh thu tăng hơn 5% lên 13.878 tỷ đồng. Tuy nhiên chi phí hoạt động cao khiến lãi ròng giảm mạnh 12% về 2.266 tỷ đồng. Biên lợi nhuận gộp bị thu hẹp đáng kể chỉ còn 40%.

Doanh nghiệp lý giải chuỗi cung ứng bị gián đoạn do ảnh hưởng của dịch bệnh khiến giá nguyên vật liệu tăng cao so với cùng kỳ năm trước. Việc giá dầu thô tăng cao cũng làm cho chi phí vận chuyển gia tăng dẫn đến giá vốn hàng bán và nhiều chi phí đầu vào tăng theo.

Với quy mô thị phần chiếm hơn phân nửa, Vinamilk luôn bị đặt câu hỏi về động lực tăng trưởng khi doanh thu trong các năm gần đây chỉ tăng ở mức một con số. Điều đó khiến cổ phiếu VNM dần bị định giá thấp và rơi về quanh 67.000 đồng, thấp nhất từ giữa 2016 đến nay.

Toàn bộ sẽ được trả bằng tiền mặt với tổng mức chi 24,5%. Với 2,1 tỷ cổ phiếu đang lưu hành, Vinamilk dự kiến thanh toán số tiền tổng cộng 5.120 tỷ đồng cho các cổ đông.

Ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền là vào 7/7 và thời gian thanh toán thực tế vào ngày 19/8.

Trong cơ cấu cổ đông, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) đang nắm giữ cổ phần lớn nhất với tỷ lệ 36%, tương ứng nhận về 1.844 tỷ đồng. Tiếp đến là F&N Dairy Investments đang sở hữu 17,7% sẽ nhận được





VIETNAM AIRLINES

MỞ ĐƯỜNG BAY THẲNG TỚI ẤN ĐỘ

VIETNAM AIRLINES VỪA KHAI TRƯƠNG ĐƯỜNG BAY THẲNG KẾT NỐI VIỆT NAM VÀ ẤN ĐỘ, NGÀY 15/6.

Chuyến bay đầu tiên mang số hiệu VN5025, có hành trình từ Hà Nội đi New Delhi, đã hạ cánh an toàn tại sân bay quốc tế Indira Gandhi lúc 14h25 chiều ngày 15/6 (giờ địa phương). Chuyến bay chiều về, hành trình New Delhi - Hà Nội, mang số hiệu VN5024 khởi hành chiều cùng ngày. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Bùi Thanh Sơn tham dự và thực hiện nghi thức khai trương chuyến bay này.

Đường bay mới của Vietnam Airlines được đánh giá sẽ góp phần quan trọng tăng cường kết nối giao thương, văn hóa, xã hội giữa Việt Nam và Ấn Độ. Các chuyến bay giữa Hà Nội và New Delhi cất cánh vào các ngày thứ 2, thứ 4, thứ 6 hàng tuần; giữa TP HCM và New Delhi cất cánh vào các ngày thứ 5, thứ 7 hàng tuần. Các chuyến bay được khai thác bằng tàu bay thân rộng, thế hệ mới Boeing 787 và Airbus A350.



Bộ trưởng bộ Ngoại giao Việt Nam Bùi Thanh Sơn (vest xanh than) và các đại biểu Ấn Độ, Việt Nam thực hiện nghi thức khai trương chuyến bay từ New Delhi - về Hà Nội. Ảnh: TTXVN



Nhà ga Terminal 4 - sân bay quốc tế London Heathrow (LHR), London. Ảnh: London Heathrow Airport

VIETNAM AIRLINES KHAİ THÁC TRỞ LẠI NHÀ GA T4 SÂN BAY HEATHROW

VIETNAM AIRLINES SẼ KHAİ THÁC TRỞ LẠI TẠI NHÀ GA TERMINAL 4 - SÂN BAY QUỐC TẾ LONDON HEATHROW (LHR), LONDON, ANH TỪ NGÀY 22/6.

Đại diện Vietnam Airlines cho biết, sân bay London Heathrow mở lại nhà ga T4 tiếp tục thể hiện tín hiệu phục hồi tích cực của hàng không quốc tế sau đại dịch. Để đáp ứng nhu cầu hành khách, hãng đã chuẩn bị đầy đủ công tác hậu cần, lắp đặt trang thiết bị và bố trí nhân sự hướng dẫn hành khách tại nhà ga T4.

Từ 5/7, Vietnam Airlines sẽ tăng thêm hai chuyến bay khứ hồi mỗi tuần giữa Anh và Việt Nam, nâng tổng số chuyến bay giữa hai nước

lên ba chuyến khứ hồi mỗi tuần. Cụ thể, từ ngày 5/7 - 10/8, chặng bay London - Hà Nội và chiều ngược lại khởi hành vào các ngày thứ 3, thứ 4, thứ 7 hàng tuần, giờ địa phương. Từ 11/8 đến 29/10, chặng bay London - Hà Nội và chiều ngược lại bay vào các ngày thứ 3, thứ 5 hàng tuần, giờ địa phương; chặng bay London - TP HCM cũng được nối lại, bay vào thứ 7, chiều ngược lại bay vào thứ 6 hàng tuần.

Đại diện Vietnam Airlines cho biết, hãng đang tiếp tục hoàn thiện lịch bay đi Anh nói riêng, châu Âu nói chung, nhằm đón đầu nhu cầu bay quốc tế đang phục hồi, góp phần thu hút du khách, tăng trưởng kinh tế cả nước sau đại dịch.

HOÀN THIỆN, ĐỔI MỚI CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT ĐỂ THỰC HIỆN HIỆU QUẢ CƠ CẤU LẠI, CỔ PHẦN HÓA, THOÁI VỐN Ở DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Giai đoạn 2016 - 2020, hệ thống các cơ chế, chính sách pháp luật phục vụ quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước (DNNN) đã được sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và có nhiều đổi mới nhằm tháo gỡ vướng mắc, khó khăn, đẩy nhanh tiến độ thực hiện, ngăn ngừa thất thoát vốn, tài sản nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho việc bán cổ phần và thu hút được các nhà đầu tư có tiềm năng.

Tổng kết, đánh giá quá trình cơ cấu lại DNNN giai đoạn 2016 - 2020 là cần thiết.

Quá trình cơ cấu lại DNNN, cổ phần hóa (CPH), thoái vốn ở nhiều doanh nghiệp (DN) đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Tuy nhiên, trong giai đoạn này, cơ cấu lại DNNN ở một số DN chưa đạt kết quả như kỳ vọng. Việc tổng kết, đánh giá quá trình cơ cấu lại DNNN giai đoạn 2016 - 2020 sẽ góp phần tìm ra các giải pháp đồng bộ nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện cơ cấu lại DNNN trong thời gian tới.

Trong giai đoạn 2016 - 2020, Chính phủ đã ban hành 30 Nghị định, 3 Nghị quyết, Thủ tướng Chính phủ ban hành 5 Quyết định, các Bộ đã ban hành 19 Thông tư, tập trung vào cơ chế, chính sách về cổ phần hóa, thoái vốn tại DNNN cho phù hợp với hệ thống luật mới ban hành, hoàn thiện cơ chế chính sách về quản lý tài chính DNNN, đổi mới chính sách

tập trung tạo động lực cho DNNN phát triển sản xuất kinh doanh.

Các quy định cũng tăng cường quản lý, giám sát chặt chẽ việc vay nợ và sử dụng vốn vay của DNNN, nhất là vay nợ nước ngoài; hạn chế tối đa cấp bảo lãnh Chính phủ cho các khoản vay mới. Đồng thời, hoàn thiện chính sách quản lý của chủ sở hữu nhà nước đối với DNNN phù hợp với mô hình cơ quan đại diện chủ sở hữu độc lập chuyên trách.

Cùng với đó, các Nghị định và Thông tư hướng dẫn đã tạo điều kiện để nâng cao hiệu quả hoạt động của DN nói chung và chuyển đổi DN 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần nói riêng, ngăn chặn thất thoát vốn và tài sản nhà nước, tập trung vào công tác xác định giá trị tài sản và xử lý đất đai của DN cổ phần hóa.

Trong quá trình triển khai, trên cơ sở phản ánh của các đơn vị về một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai cổ phần hóa, thoái vốn, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 140/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số nội dung như điều kiện cổ phần hóa gắn với phương án sắp xếp, xử lý nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; hướng dẫn phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa...

KẾT QUẢ CỔ PHẦN HÓA, THOÁI VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP



Về tình hình cổ phần hóa, theo Công văn số 991/TTg-ĐMDN ngày 10/7/2017 và Quyết định số 26/2019/QĐ-TTg ngày 15/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ thì kế hoạch cổ phần hóa giai đoạn 2017 - 2020 là 128 DN.

Lũy kế giai đoạn 2016 - 2020, đã có 180 DN được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án cổ phần hóa với tổng giá trị DN là 489.690 tỷ đồng, trong đó giá trị vốn nhà nước là 233.792 tỷ đồng. Tuy nhiên, trong 180 DN đã cổ phần hóa chỉ có 39/128 DN cổ phần hóa thuộc danh mục cổ phần hóa theo Công văn số 991/TTg-

ĐMDN và Quyết định số 26/2019/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (đạt 30% kế hoạch).

Trong đó, tổng giá trị dự kiến bán cho nhà đầu tư chiến lược, cán bộ công nhân viên, tổ chức công đoàn, bán đấu giá công khai là 98.748 tỷ đồng (tương đương 48% giá trị phần vốn nhà nước tại DN). Tổng giá trị thực tế bán được là 22.748 tỷ đồng (đạt 23% kế hoạch dự kiến bán, tương đương 11% giá trị phần vốn nhà nước tại DN). Tổng giá trị thu về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển DN từ công tác cổ phần hóa là 36.518 tỷ đồng (đạt 1,6 lần so với giá bán).



GIAI ĐOẠN 2016 - 2019

NGUỒN THU ĐẢM BẢO THEO KẾ HOẠCH THU NSNN HÀNG NĂM THEO YÊU CẦU CỦA QUỐC HỘI

Trong năm 2021 ghi nhận 4 DN cổ phần hóa với tổng giá trị DN là 333 tỷ đồng, trong đó giá trị thực tế phần vốn nhà nước là 196 tỷ đồng, gồm: 3 DN thuộc Tổng công ty Lương thực Miền Bắc và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam cổ phần hóa trong năm 2020 và 1 DN cổ phần hóa trong năm 2021 là Công ty TNHH MTV đầu tư phát triển chè Nghệ An (không thuộc danh mục DN cổ phần hóa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt).

Về tình hình triển khai thoái vốn, lũy kế tổng số thoái vốn từ năm 2016 - 2020: thoái 27.312 tỷ đồng, thu về 177.397 tỷ đồng. Trong đó thoái vốn nhà nước tại 106 đơn vị thuộc Quyết định số 1232/QĐ-TTg và Quyết định số 908/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ với giá trị 6.493 tỷ đồng, thu về 13.583 tỷ đồng (đạt 30% về số lượng và 11% về giá trị so với kế hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt).

Thoái vốn nhà nước tại các DN ngoài danh mục theo Quyết định số 1232/QĐ-TTg:



Đã thoái 3.785 tỷ đồng vốn nhà nước, thu về 110.392 tỷ đồng (bao gồm khoản thoái 3.436 tỷ đồng, thu về 109.965 tỷ đồng tại Sabeco). Các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước thực hiện thoái 17.032 tỷ đồng, thu về 53.420 tỷ đồng.

Trong năm 2021, đã thoái vốn tại 18 DN với giá trị 1.665 tỷ đồng, thu về 4.402 tỷ đồng, trong đó thoái vốn nhà nước tại 4 DN với giá trị 52,8 tỷ đồng, thu về 85,1 tỷ đồng; các Tập đoàn, Tổng công ty thoái vốn tại 14 DN với giá trị 1.612 tỷ đồng, thu về 4.317 tỷ đồng.

Đối với tổ chức quản lý Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển DN, từ ngày 01/01/2018, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ, Quỹ được chuyển giao từ Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) về Bộ Tài chính theo dõi, quản lý theo quy định (có bộ máy quản lý Quỹ và thực hiện chế độ kế toán Quỹ).

Trong năm 2019, Kiểm toán nhà nước (KTNN) đã thực hiện kiểm toán việc quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển DN giai đoạn 2011 - 2017. Bộ Tài chính đã thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các ý kiến kết luận, kiến nghị của KTNN, đồng thời tích cực,

chủ động trong công tác đơn đốc, thu hồi nợ Quỹ và tại công văn số 393/KTNN-CNVII ngày 01/12/2020 của KTNN đã kết luận Bộ Tài chính cơ bản đã thực hiện các ý kiến, kiến nghị của KTNN.

Về thực hiện nhiệm vụ nộp ngân sách nhà nước (NSNN) từ Quỹ theo các Nghị quyết của Quốc hội giai đoạn 2016 - 2020, theo các Nghị quyết của Quốc hội nguồn thu từ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước phải nộp về ngân sách nhà nước là 250.000 tỷ đồng. Đến nay, tổng số tiền đã nộp NSNN (thông qua Quỹ) là 234.387 tỷ đồng

(đạt 93,6% kế hoạch), cụ thể: năm 2016 là 30.000 tỷ đồng; năm 2017 là 60.000 tỷ đồng; năm 2018 là 65.000 tỷ đồng; năm 2019 là 50.000 tỷ đồng và năm 2020 là chuyển 29.387 tỷ đồng từ Quỹ vào NSNN.

Như vậy, trong các năm từ 2016 đến 2019 thì nguồn thu đảm bảo theo kế hoạch thu NSNN hàng năm theo yêu cầu của Quốc hội. Năm 2020 số phải nộp NSNN theo yêu cầu của Quốc hội là 45.000 tỷ đồng, số đã nộp là 16.700 tỷ đồng (không bao gồm khoản 12.687 tỷ đồng chi cho PVN).

Năm 2021, nguồn thu từ cổ phần hóa, thoái vốn nộp về Quỹ là 1.404 tỷ đồng; Nguồn thu từ cổ phần hóa, thoái vốn năm 2021 không đáp ứng yêu cầu thu 40.000 tỷ đồng từ bán vốn nhà nước năm 2021 theo Quyết định số 1950/QĐ-TTg ngày 28/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 (Bộ Tài chính đã có Quyết định số 2547/QĐ-BTC ngày 30/12/2021 chuyển 1.000 tỷ đồng từ Quỹ vào NSNN, đạt 2,5% kế hoạch).

Nguồn: Hoàn thiện, đổi mới cơ chế, chính sách pháp luật để thực hiện hiệu quả cơ cấu lại, cổ phần hóa, thoái vốn ở doanh nghiệp nhà nước

(thanhrvietnam.vn)

CỔ PHẦN HÓA VÀ THOÁI VỐN DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC: VẤN NGHỀ



Trong số các điểm nghẽn và lực cản khiến quá trình triển khai thực hiện cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước trong giai đoạn 2016 – 2021 bị chậm và trễ thì đất đai và định giá doanh nghiệp được coi là lực cản lớn nhất...

Theo báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Hội nghị Thủ tướng Chính phủ với doanh nghiệp nhà nước, tổ chức ngày 24/3/2022, tổng tài sản của doanh nghiệp nhà nước hiện là 4 triệu tỷ đồng, bình quân mỗi doanh nghiệp có quy mô tài sản khoảng 4.100 tỷ đồng, cao gấp 10 lần doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và gấp 109 lần doanh nghiệp tư nhân trong nước.

Phát biểu tại hội nghị này, Thủ tướng Phạm Minh Chính khẳng định “doanh nghiệp nhà nước giữ vị trí then chốt và là một lực lượng vật chất quan trọng của kinh tế nhà nước, góp phần quan trọng ổn định kinh tế vĩ mô và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội”.

Doanh nghiệp nhà nước đang nắm trong tay một nguồn vốn khổng lồ của Nhà nước (và cũng là của nhân dân) và giữ vai trò rất quan trọng trong nền kinh tế.

Vấn đề là doanh nghiệp nhà nước hoạt động như thế nào để phát huy hiệu quả từ nguồn vốn khổng lồ này cũng như vai trò của nó để đóng góp tương xứng cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước?



Thực tế cho thấy rất nhiều doanh nghiệp nhà nước hoạt động không hiệu quả, gây thất thoát, lãng phí nguồn vốn và tài sản mà những doanh nghiệp này được giao quản lý, kể cả nguồn lực đất đai.

Trong khi đó, nhiều doanh nghiệp nhà nước, sau cổ phần hóa, đã hoạt động rất hiệu quả, tăng mạnh sức cạnh tranh trên thị trường và ngày càng phát triển, điển hình như Vinamilk và Vietnam Airlines.

Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là một chủ trương đúng mà Đảng và Nhà nước ta đề ra từ giữa những năm 1990 nhằm cơ cấu, sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước mà mục tiêu cuối cùng là để các doanh nghiệp này hoạt động hiệu quả hơn trong cơ chế thị trường.

Cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước không chỉ tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước để đầu tư trở lại cho phát triển đất nước mà còn giúp nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, phát huy giá trị thương hiệu doanh nghiệp, tăng cường hiệu quả ngành nghề kinh doanh, tạo điều kiện phát triển bền vững của cả nền kinh tế trong dài hạn.

Tuy chủ trương cổ phần hóa và thoái vốn không phải áp dụng cho tất cả doanh nghiệp nhà nước mà chỉ thực hiện đối với các doanh nghiệp theo danh mục được Chính phủ phê duyệt, nhưng tiến độ rất chậm, chậm đến mức có người mô tả là “rùa bò” hoặc “hụt hơi”.

Chậm vì vướng nhiều điểm nghẽn và lực cản.

Trong số các điểm nghẽn và lực cản này, đất đai và định giá doanh nghiệp được coi là lực cản lớn nhất của quá trình triển khai thực hiện cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước trong giai đoạn 2016 – 2021.

Đa phần các doanh nghiệp phải thực hiện cổ phần hóa theo danh mục của Chính phủ là những doanh nghiệp lớn, có quy mô vốn điều lệ trên 1.000 tỷ đồng và được giao quyền sử dụng nhiều đất đai.

Đất đai mà doanh nghiệp nhà nước được giao quyền sử dụng sẽ được xử lý như thế nào khi



doanh nghiệp này được cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước? Câu hỏi này, cho đến nay, vẫn chưa có được câu trả lời thỏa đáng, cả về mặt pháp lý cũng như thực tiễn.

Thực tế cho thấy đã có không ít trường hợp đất mà Nhà nước giao cho doanh nghiệp nhà nước sử dụng phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh đã bị thay đổi mục đích sử dụng sau cổ phần hóa, thậm chí bị “phù phép” để đất công biến thành đất tư, khiến nhiều cán bộ có liên quan bị kỷ luật, thậm chí phải ngồi tù.

Khi thực hiện cổ phần hóa hoặc thoái vốn, bắt buộc phải xác định giá trị doanh nghiệp, trong đó có giá trị quyền sử dụng đất mà doanh nghiệp đó được giao (gọi tắt là giá trị đất). Giá trị đất sẽ được xác định như thế nào, theo giá do chính quyền địa phương (cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) quy định theo từng khu vực và từng thời điểm hay theo giá thị trường? Đó cũng là một điểm nghẽn.

Thêm vào đó, việc lên phương án sử dụng đất doanh nghiệp được giao sau cổ phần hóa lại

bắt buộc phải tuân thủ theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương, mà không ít trường hợp những diện tích đất chưa được sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích đã bị thu hồi. Đây cũng là điều khiến nhiều doanh nghiệp nhà nước sợ “cổ phần hóa”.

Đã có ý kiến đề xuất tách giá trị đất ra khỏi giá trị doanh nghiệp để tháo gỡ những điểm nghẽn nói trên. Đề xuất này

cũng không dễ thực hiện, khi phải tính toán rất kỹ để bảo đảm tính đúng, tính đủ, nhằm tránh thất thoát tài sản của Nhà nước trong quá trình cổ phần hóa và thực hiện đúng quy định của Nhà nước về quản lý đất đai.

Tách giá trị đất ra khỏi giá trị doanh nghiệp khi thực hiện cổ phần hóa và doanh nghiệp sau cổ phần hóa buộc phải thuê đất của Nhà nước cho mục đích sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, nếu được thực hiện chặt chẽ theo đúng quy định của pháp luật, cũng là một giải pháp có thể nghiên cứu.

Quá trình cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước đã quá kéo dài và xem ra có thể còn lâu mới tới đích, vì các cơ quan chức năng vẫn đang chờ hội tụ đủ ý kiến của các cơ quan nhiều chiều và chiếu theo quy định của pháp luật và định hướng của Đảng để đề xuất ban hành chính sách phù hợp, nhằm tháo gỡ khó khăn.

Nguồn: Cổ phần hóa và thoái vốn doanh nghiệp nhà nước: Vẫn nghẽn - Nhịp sống kinh tế Việt Nam & Thế giới

(vneconomy.vn)



Ngày 20/6/2022, Chính phủ ban hành Nghị định 41/2022/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ và Nghị định 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

Theo đó, đối với các cơ sở kinh doanh tính thuế giá trị gia tăng (GTGT) theo phương pháp khấu trừ được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% đối với một số hàng hóa, dịch vụ theo quy định, nếu cơ sở kinh doanh khi

Nghị định số 41/2022/NĐ-CP ngày 20/06/2022 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ và Nghị định 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội

bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ áp dụng các mức thuế suất khác nhau thì trên hóa đơn GTGT phải ghi rõ thuế suất của từng hàng hóa, dịch vụ theo quy định.

Đối với các cơ sở kinh doanh tính thuế GTGT theo phương pháp tỷ lệ % trên doanh thu được giảm 20% mức tỷ lệ % để tính thuế GTGT khi thực hiện xuất hóa đơn đối với hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế GTGT, trường hợp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ thì trên hóa đơn bán hàng phải ghi rõ số tiền được giảm theo quy định.

Theo quy định hiện nay, cơ sở kinh doanh phải lập hóa đơn riêng cho hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế GTGT. Trường hợp cơ sở kinh doanh không lập hóa đơn riêng cho hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế GTGT thì không được giảm thuế GTGT.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.



Thông tư số 04/2022/TT-NHNN ngày 16/06/2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc áp dụng lãi suất rút trước hạn tiền gửi tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Ngày 16/6/2022, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư 04/2022/TT-NHNN quy định về việc áp dụng lãi suất rút trước hạn tiền gửi tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Theo đó, các hình thức tiền gửi rút trước hạn gồm: Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn; Tiền gửi có kỳ hạn; Chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu và trái phiếu do tổ chức tín dụng phát

hành; Các hình thức nhận tiền gửi có kỳ hạn khác theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng. Trường hợp khách hàng rút trước hạn toàn bộ tiền gửi, tổ chức tín dụng áp dụng mức lãi suất tối đa bằng mức lãi suất tiền gửi không kỳ hạn thấp nhất của tổ chức tín dụng đó theo đối tượng khách hàng hoặc theo loại đồng tiền đã gửi tại thời điểm khách hàng rút trước hạn tiền gửi.

Bên cạnh đó, trường hợp khách hàng rút trước hạn một phần tiền gửi: Đối với phần tiền gửi rút trước hạn, tổ chức tín dụng áp dụng mức lãi suất tối đa bằng mức lãi suất tiền gửi không kỳ hạn thấp nhất của tổ chức tín dụng đó theo đối tượng khách hàng hoặc theo loại đồng tiền đã gửi tại thời điểm khách hàng rút trước hạn tiền gửi; Đối với phần tiền gửi còn lại, tổ chức tín dụng áp dụng mức lãi suất đang áp dụng đối với khoản tiền gửi mà khách hàng rút trước hạn một phần.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 01/8/2022.



SCIC

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC
STATE CAPITAL INVESTMENT CORPORATION



Chịu trách nhiệm xuất bản:

Lê Thanh Tuấn - Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Đầu tư
và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)

Chịu trách nhiệm nội dung:

Đàm Thúy Nga - Trưởng Ban Đối ngoại Truyền thông

Thư ký biên tập: Trần Hoàng Ly - Phó Ban

Trình bày thiết kế mỹ thuật: Công ty Thiết kế Tạo mẫu Hoa Sen (Lotus)

Điện thoại: (024) 62780 126 - Fax: (024) 62780 136

Email: bantin@scic.vn - Website: www.scic.vn

Địa chỉ xuất bản: 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội

www.scic.vn